

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2018/HSST**
Ngày 07/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nhâm Đức Hùng**

2/ Ông **Danh Phô**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thị Tuyết Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2018, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T; sinh năm 1995; HKTT: Số 126/4A Nguyễn Bình Khiêm, khu phố Đồng Khởi, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Th; sinh năm 1962 và bà Lê Thị Kim H; sinh năm 1968; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2017 cho đến ngày 19/01/2018 bị cáo được cho bảo lãnh tại ngoại để điều tra cho đến nay (có mặt).

Người bị hại: Bà **Ngô Thị Tường L** (Út); sinh năm 1972 (có mặt)

Trú tại: ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với Ngô Thị Tường Đ trú tại ấp Vĩnh Hòa 1, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Đ là cháu của bà Ngô Thị Tường L trú tại xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và hiện làm giúp việc cho nhà bà L. Trong thời gian quen biết Nguyễn Ngọc T thường đến nhà bà L chơi nên T biết được ngày 17/11/2017 gia đình bà L sẽ đi đám giỗ ở quê, nhà bà L không có người trong coi nên T nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bà L để tiêu xài cá nhân. Vào ngày 17/11/2017 sau khi biết được bà L đi đám giỗ, không có ai ở nhà, T từ Rạch Giá điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha biển kiểm soát 68M4 - 4799 đến nhà bà L, T dừng bên lộ đối diện nhà bà L rồi đi bộ đến mở cổng rào theo đường hành lang đi thẳng vào phòng ngủ của bà L quan sát xung quanh để tìm chìa khóa mở cửa tủ, T lục soát trên bàn trang điểm của bà L thấy có 01 chùm chìa khóa gồm nhiều chìa khác nhau, T liền lấy chùm chìa khóa thử khoảng 05 đến 06 chìa thì mở được ngăn cửa tủ, Thờ nhìn thấy bên trong tủ có rất nhiều trang sức bằng vàng với nhiều kiểu dáng khác nhau như: Nhẫn, vòng đeo tay, dây chuyền, tiền Việt Nam và tiền đôla Mỹ. Sau khi lấy được số tài sản trên T bỏ vào bọc ni lon màu đen đã chuẩn bị sẵn rồi nhanh chóng rời khỏi hiện trường theo hướng T đã vào. Sau khi trộm được số tài sản T đã tiêu xài hết số tiền 20.000.000 đồng; 1000 đôla Mỹ (USD) và đem bán một số tài sản tại tiệm vàng B H ở phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang gồm: 01 vòng đeo tay hình tròn vàng 24k, trọng lượng 04 chỉ; 01 chiếc nhẫn tròn 24k, trọng lượng 04 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 03 chỉ; 01 chiếc nhẫn tròn vàng 18k (đính hộp thường), trọng lượng 03 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18k (đính hộp thường), trọng lượng 03 chỉ, số tài sản trên T cũng tiêu xài cá nhân hết .

Đến ngày 28/11/2017 T đến Công an huyện Châu Thành tự thú về hành vi trộm cắp tài sản của bà Ngô Thị Tường L , trú tại ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và giao nộp số tài sản lấy trộm gồm : 15 chỉ vàng 24k và 22,72 chỉ vàng 18k.

Tại bản kết luận định giá tài sản số : 90/KL-HĐĐGTS ngày 29/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: Vàng 24k số lượng 15 chỉ có giá trị là 54.075.000đồng (năm mươi bốn triệu không trăm

bảy mươi lăm ngàn đồng); Vàng 18k số lượng 22,72 chỉ có giá trị là 61.776.000đồng (sáu mươi một triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng). Tổng cộng số tài sản qua định giá là 115.851.000 đồng (một trăm mười một triệu tám trăm năm mươi một ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 98/KL-HĐĐGTS ngày 26/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang kết luận: 1000 USD có giá là 22.710.000 đồng; 11 chỉ vàng 24k có giá 39.347.000 đồng, 06 chỉ vàng 18k có giá là 16.188.000đồng, tổng cộng là 78.245.000 đồng và số tiền mặt mà bị cáo đã lấy trộm của bà L là 20.000.000 đồng.

Như vậy tổng tài sản T trộm cắp có giá trị là 214.096.000đồng (hai trăm mười bốn triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Ngô Thị Tường L đã nhận lại số tài sản có giá trị 115.851.000 đồng, bà L yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc T tiếp tục bồi thường cho bà số tài sản bị thiệt hại có giá trị là 98.245.000đồng, bị c áo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà L.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68M4 - 4799 đây là tài sản của ông Nguyễn Văn Th, việc bị cáo T lấy xe đi trộm tài sản ông Th không biết, nên đề nghị trả lại tài sản cho ông Th và ông Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu, không xem xét.

Tại bản cáo trạng số: 14/CTr- VKS ngày 22/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T** từ 03 đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 589 BLDS năm 2015 xử buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T bồi thường lại cho bà Ngô Thị Tường L số tiền 98.245.000 đồng.

Bị cáo và người bị hại không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] - Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] - Tại phiên tòa, Nguyễn Ngọc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Do giữa Nguyễn Ngọc T với bà Ngô Thị Tường L là người quen nên T biết được vào ngày 17/11/2017 bà L không có ở nhà nên T đã lén lút đột nhập vào nhà bà L lấy trộm 26 chỉ vàng 24K; 28,72 chỉ vàng 18K; 1000USD và tiền Việt Nam là 20.000.000 đồng. Sau khi lấy trộm được các tài sản trên T lấy tiền và một ít vàng đem bán tiêu xài cá nhân. Đến ngày 28/11/2017 T đến Công an huyện Châu Thành để tự thú về hành vi phạm tội của T. Tổng tài sản mà T lấy trộm của bà L có giá trị theo kết quả định giá là 214.096.000 đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS thì “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng”. Như vậy, hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bà L có giá trị 214.096.000 đồng của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu

thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS năm 1999 như đã viện dẫn như trên.

Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo nhận thức được “Trộm cắp tài sản” là hành vi vi phạm pháp luật. Thế nhưng chỉ vì tham lam chạy lười lao động nên khi biết được vào ngày 17/11/2017 bà L đi đám không có ở nhà thì sẽ không có ai trông coi tài sản bị cáo liền lén lút đột nhập vào nhà bà L lấy trộm tiền Việt Nam, tiền USD và vàng các loại với ý định đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây ảnh hưởng lớn đến đời sống vật chất của người bị hại mà còn gây dư luận xấu trong xã hội, tạo tâm lý bất an cho người dân trong việc quản lý, giữ gìn tài sản của mình, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án nghiêm và cần tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] - Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên Tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú với cơ quan Công an về hành vi sai phạm của bị cáo nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS nên HĐXX sẽ áp dụng thêm Điều 47 BLHS chuyển sang khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật cho bị cáo, sẽ xem xét hình phạt khi lượng hình để có mức án phù hợp nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

[4] - Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[5] - Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại bà Ngô Thị Tường L yêu cầu bị cáo trả lại cho bà số tiền 98.245.000 đồng, ngoài ra bà L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Loan nên HĐXX sẽ ghi nhận để xem xét.

[6] - Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

6.1 Đối với 15 chỉ vàng 24k và 22,72 chỉ vàng 18k mà bị cáo T đã giao nộp tại Cơ quan điều tra và tại đây T khai nhận đây là số vàng mà T đã lấy trộm của bà Ngô Thị Tường L nên trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã xử lý trả lại số vàng trên cho bà L. Xét việc trao trả tài sản trên là đúng theo quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

6.2 Đối với chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 68M4 - 4799 mà bị cáo sử dụng để làm phương tiện phạm tội nhưng trong quá trình điều tra đã chứng minh được đây là xe của ông Nguyễn Văn Th, việc bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp thì ông Th không hề hay biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã xử lý trả lại xe cho ông Th. Xét việc trao trả xe trên là đúng pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[7] - Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T 03** (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 28/11/2017 cho đến ngày 19/01/2018).

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 585 và 589 BLDS năm 2015 xử buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T trả lại cho bà Ngô Thị Tường L số tiền 98.245.000 đồng (chín mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 99 BLTTHS và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và $(98.245.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.912.250 \text{ đồng}$, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Mai Tấn Đầu